

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2018/DS - PT

Ngày: 26/11/2018

“V/v Hợp đồng mượn tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Khải

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Thanh

Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hol – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Phùng Bích Tuyền – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 59/2018/TLPT - DS ngày 02 tháng 7 năm 2018, về việc “Hợp đồng mượn tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2018/DS - ST ngày 19/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 267/2018/QĐPT - DS ngày 04/9/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Hà Trung P; Địa chỉ số 162/1/45 Bình Lợi, phường J, quận B, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Mai Quang T; Địa chỉ số 171 ấp T, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 20/11/2017).

2. *Bị đơn:*

2.1. Chị Võ Thị Bích T – sinh ngày 15 tháng 11 năm 2000; Địa chỉ ấp T, xã L, huyện C, tỉnh H.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Võ Thị Bích T: Bà Võ Thị M – là mẹ ruột; Địa chỉ ấp T, xã L, huyện C, tỉnh H..

2.2. Ông Võ Thành N; Địa chỉ Địa chỉ ấp T, xã L, huyện C, tỉnh H.

4. Người kháng cáo: bị đơn Võ Thị Bích T và Võ Thành N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Hà Trung P là ông Mai Quang T trình bày: Năm 2016 anh P tình cờ quen biết Nguyễn Thị Thúy K, sinh năm 1993, địa chỉ: xã Đ, huyện T, tỉnh H. Tuy nhiên, nhà và nơi ở của chị Kiều ở ấp T, xã L, huyện C, tỉnh H; qua thời gian quen biết tìm hiểu cảm thấy hợp ý nên anh P định sau này sẽ tiến tới quan hệ hôn nhân lâu dài với chị K. Đến tháng 8 năm 2017 chị K khai thật với anh P tên thật là Võ Thị Bích T, sinh năm 1998, nhưng ngày tháng năm sinh trong giấy tờ là ngày 15/11/2000, còn tên Nguyễn Thị Thúy K là do chị T mượn giấy chứng minh nhân dân của người chị bà con để đi làm.

Vào thời điểm năm 2016 chị T sử dụng tên K có nói với anh P muốn xây nhà ở quê mà không có tiền nếu hỏi tiền bên ngoài thì lãi suất cao nên chị T và ông N (cha chị T) ngỏ ý mượn tiền anh P bằng lời nói, anh P đồng ý và có chuyển khoản cho chị T và ông N mượn tổng cộng 212.000.000 đồng, cụ thể những lần chuyển cho mượn như sau:

Chuyển cho chị T:

Lần 1: Vào ngày 04/7/2016 chuyển 10.000.000 đồng.

Lần 2: Vào ngày 22/7/2016 chuyển 80.000.000 đồng.

Lần 3: Vào ngày 26/7/2016 chuyển 70.000.000 đồng.

Lần 4: Vào ngày 18/7/2017 chuyển 20.000.000 đồng.

Trong 04 (bốn) lần chuyển cho chị T, chị T dùng tên tài khoản giao dịch với Ngân hàng để nhận tiền là Nguyễn Thị Thúy Kiều.

Chuyển cho ông N:

Lần 1: Vào ngày 23/9/2016 chuyển 20.000.000 đồng.

Lần 2: Vào ngày 01/12/2016 chuyển 12.000.000 đồng.

Do chị T và ông N đã xây dựng xong căn nhà nhưng không thực hiện lời hứa trả nợ nên anh P khởi kiện yêu cầu chị T trả 180.000.000 đồng, ông N trả 32.000.000 đồng đã mượn, không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn Võ Thị Bích T trình bày: Chị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh P, lý do không chấp nhận là vào khoảng tháng 5 năm 2016 chị làm cho tiệm Massage ở Vũng Tàu, anh P là khách muốn làm quen và chủ động xin số điện thoại và nhắn tin qua lại, đến tháng 6 năm 2016 thì chính thức quen tình cảm trai gái với nhau, anh P kêu chị nghỉ làm sẽ lo cho chị mọi thứ, sau thời gian suy nghĩ thì chị đồng ý nghỉ làm Massage ở Vũng Tàu và về quê khoảng 02 tháng thì quay lên Sài Gòn, anh P thuê nhà trọ cho chị ở để chị đi học nghề tóc, thông qua những lần gặp gỡ bạn bè anh P chị biết được anh P có gia đình nên chủ động chia tay với anh P. Trong thời gian khoảng ngày 09 hay ngày 10/8/2016 đến tháng 3/2017 thì chị về quê ở đến nay, chị không thừa nhận mượn tiền, nhưng chị thừa nhận có dùng tên thẻ Nguyễn Thị Thúy Kiều nhận của anh P tổng các lần là 180.000.000 đồng là đúng, về thời gian nhận cụ thể chị không nhớ. Do số tiền chị

nhận không phải vay hay mượn mà do anh P tự nguyện cho tiền chị tiêu xài, sinh hoạt hàng ngày, đi du lịch, đi học, cất nhà để chuẩn bị chuyện hôn nhân giữa 2 bên. Chị yêu cầu anh P chứng minh hợp đồng vay, mượn và chị có ký tên chị sẽ đồng ý trả.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn T bà Võ Thị M trình bày: Bà thống nhất ý kiến của chị T, việc con gái bà quen biết Hà Trung P phải nghỉ việc từ năm 2016 đến nay mất nhiều thu nhập, còn số tiền P kiện đòi bà không đồng ý vì đây là số tiền P tự nguyện cho con gái bà chứ gia đình bà không ai vay mượn P, nếu nói vay mượn thì đưa ra hợp đồng vay mượn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị đơn ông Võ Thành N trình bày: Ông thừa nhận là có nhận 32.000.000 đồng từ việc ông P chuyển tiền qua Ngân hàng nhưng thời gian nhận cụ thể ông không nhớ, lý do ông được nhận là vì trong thời gian này P có tình cảm với con ông tên Võ Thị Bích T, P điện thoại xuống nói chuyển tiền cho T tiêu xài, sinh hoạt cá nhân vì thực chất P và T đã sống chung như vợ chồng. Ông đến Ngân hàng nhận tiền là nhận dùm T, khi về ông đã đưa hết cho T chứ ông không có giữ hay tiêu xài đồng nào cả, P nói ông mượn tiền cất nhà là không đúng, tiền xây cất nhà năm 2016 là tiền vợ chồng ông làm dành dụm được để cất nhà không liên quan gì đến tiền bạc của P. Do không có vay mượn và cũng không có hợp đồng vay mượn gì từ P nên ông không đồng ý trả theo yêu cầu khởi kiện của P.

Tại Bản án sơ thẩm số: 07/2018/DS - ST ngày 19/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hà Trung P đối với bị đơn chị Võ Thị Bích T và ông Võ Thành N.

Buộc chị Võ Thị Bích T có nghĩa vụ trả cho anh Hà Trung P số tiền 180.000.000 đồng (một T tám mươi triệu đồng);

Buộc ông Võ Thành N có nghĩa vụ trả cho anh Hà Trung P số tiền 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 24/4/2018, bị đơn chị Võ Thị Bích T và ông Võ Thành N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét và giải quyết không chấp nhận khởi kiện của ông Hà Trung P.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn bị đơn Võ Thị Bích T và Võ Thành N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn ông Hà Trung P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến phiên tòa ngày hôm nay Tòa án cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án cho đến phiên tòa này người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giải quyết theo hướng sửa bản án sơ thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn Võ Thị Bích T và không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Võ Thành N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, qua ý kiến trình bày của các đương sự, đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24 tháng 4 năm 2018 chị Võ Thị Bích T và ông Võ Thành N có đơn kháng cáo đúng quy định tại Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn Hà Trung P khởi kiện yêu cầu bị đơn Võ Thị Bích T có trách nhiệm trả số tiền 180.000.000 đồng, yêu cầu bị đơn Võ Thành N có trách nhiệm trả số tiền 32.000.000 đồng, mà nguyên đơn cho rằng đã cho các bị đơn mượn, nên vụ án được xác định quan hệ pháp luật là hợp đồng mượn tài sản.

[3] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn khởi kiện các bị đơn Võ Thị Bích T và ông Võ Thành N, và cho rằng đã chuyển cho Bích T mượn tiền nhiều lần với số tiền là 180.000.000 đồng và chuyển cho ông N mượn nhiều lần với số tiền là 32.000.000 đồng, để cất nhà; nhưng hiện tại nhà cất xong chưa trả tiền nên yêu cầu các bị đơn có trách nhiệm trả, không yêu cầu tính lãi suất; Bị đơn chị T và ông N không thừa nhận mượn tiền của anh P và cho rằng đây là khoản tiền anh P tặng cho chị T vì giữa 2 bên có quan hệ tình cảm sống chung như vợ chồng và có mục đích tiến tới hôn nhân.

Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh P vắng mặt có đại diện theo ủy quyền của anh P là ông Mai Quang T cung cấp các chứng từ giao dịch tại ngân hàng Agribank và ABBank thể hiện:

Chuyển cho chị T:

- Lần 1: Vào ngày 04/7/2016 chuyển 10.000.000 đồng, nội dung giao dịch: nộp tiền vào tài khoản.

- Lần 2: Vào ngày 22/7/2016 chuyển 80.000.000 đồng, nội dung giao dịch: Thanh toán tiền mua gạch cho Nguyễn Thị Thúy K

- Lần 3: Vào ngày 26/7/2016 chuyển 70.000.000 đồng, nội dung giao dịch: Thanh toán tiền VLXD cho Nguyễn Thị Thúy K.

- Lần 4: Vào ngày 18/7/2017 chuyển 20.000.000 đồng, nội dung giao dịch CT thanh toán tiền VLXD

Trong 04 (bốn) lần chuyển cho chị T, chị T dùng tên tài khoản giao dịch với Ngân hàng để nhận tiền là Nguyễn Thị Thúy K.

Chuyển cho ông N:

- Lần 1: Vào ngày 23/9/2016 chuyển 20.000.000 đồng, nội dung giao dịch: Ct

- Lần 2: Vào ngày 01/12/2016 chuyển 12.000.000 đồng, nội dung giao dịch Thanh toán tiền VLXD.

[4] Đối với tiền chuyển cho Võ Thị Bích T; Căn cứ theo nội dung giao dịch tại ngân hàng không thể hiện giao dịch mượn tiền mà theo đó các hóa đơn ghi nhận “*Nộp tiền vào tài khoản; Thanh toán tiền mua gạch cho Nguyễn Thị Thúy K; Thanh toán tiền VLXD cho Nguyễn Thị Thúy K; thanh toán tiền VLXD*”. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định thỏa thuận việc mượn tiền giữa nguyên đơn và bị đơn chỉ thể hiện qua lời nói, không thể hiện bằng văn bản hay chứng cứ nào khác. Trong khi đó chị T cho rằng số tiền 180.000.000 đồng là do anh P tặng và chị cũng đã chứng minh được giữa chị và anh P có tình cảm thông qua hình ảnh, tin nhắn và thẻ nhớ ghi âm những cuộc hội thoại giữa anh Hà Trung P và chị Võ Thị Bích T và dự định tiến đến hôn nhân. Lời trình bày và tài liệu chứng cứ mà chị T cung cấp phù hợp với phần trình bày của nguyên đơn “*Qua thời gian quen biết tìm hiểu cảm thấy hợp ý nên anh P định sau này sẽ tiến tới quan hệ hôn nhân lâu dài với chị Kiều (Bút lục số 40)*”; Trong quá trình xét xử sơ thẩm anh Hà Trung P chỉ xác định mối quan hệ giữa anh và chị T là anh em bình thường nên lời trình bày của anh P là không có cơ sở để xem xét. Nguyên đơn khởi kiện nhưng không chứng minh được chị T mượn tiền, nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với yêu cầu buộc chị T trả 180.000.000 đồng.

[5] Đối với kháng cáo của ông Võ Thành N về số tiền đã nhận là 32.000.000 đồng, nhưng cho rằng chỉ nhận được từ Võ Thị Bích T nhưng ông không đưa ra được tài liệu chứng cứ để chứng minh nhận được từ chị T và trình bày của ông N không được anh P thừa nhận. Ông N là người nhận tiền từ tài khoản của anh P; Xét thấy, giữa ông N và anh P chỉ là mối hệ thông qua việc anh P và chị T con ông N có tình cảm với nhau, ông N và anh P không có mối quan hệ thân thích đến mức anh P tặng cho tiền ông N; Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông N phải trả lại số tiền đã nhận là có căn cứ chấp nhận.

[6] Từ những căn cứ phân tích nêu trên, có cơ sở chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và chấp nhận kháng cáo của bị đơn Võ Thị Bích T. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Võ Thành N.

[7] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 494 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận kháng cáo của chị Võ Thị Bích T

Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Thành N.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2018/DS - ST ngày 19/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh H.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của anh Hà Trung P đối với yêu cầu chị Võ Thị Bích T trả cho anh P số tiền 180.000.000 đồng (Một T tám mươi triệu đồng).

2. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của anh Hà Trung P đối với yêu cầu ông Võ Thành N. Buộc ông Võ Thành N trả cho anh Hà Trung P số tiền 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng);

Kể từ ngày anh Hà Trung P có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền ông Võ Thành N phải trả, nếu ông N chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền vốn chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí:

2.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Hà Trung P phải chịu 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng); Anh P đã nộp số tiền 5.300.000 đồng (Năm triệu ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0014466 ngày 30/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang. Anh P phải nộp thêm số tiền 3.700.000 đồng (Ba triệu bảy T nghìn đồng).

- Ông Võ Thành N phải chịu 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng).

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Chị Võ Thị Bích T không phải chịu án phí phúc thẩm. Chị Võ Thị Bích T được nhận lại số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0014696 ngày 24/4/2018 mà chị Võ Thị Bích T đã nộp.

- Ông Võ Thành N phải nộp 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0014697 ngày 24/4/2018 mà ông Võ Thành N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang thành tiền án phí. Ông N không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ngày 26/11/2018.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh H;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VÕ HOÀNG KHẢI